

Ngày 05.9.2024

## TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN

### Về dự án Luật Dữ liệu

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Chuyển đổi số được Đại hội XIII của Đảng xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, giải pháp đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số như:

- Công văn số 7455-CV/VPTW ngày 31/7/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của Bộ Chính trị về Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia, theo đó Bộ Chính trị đồng ý chủ trương xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia và giao Đảng đoàn Quốc hội phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo thẩm quyền.

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp: “Khuyến khích đầu tư, phát triển xây dựng các trung tâm dữ liệu lớn; đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu lớn nhằm tạo ra các sản phẩm, tri thức mới”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư xác định “Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia. Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất”.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên; trong đó có phát triển công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Điều 62 Hiến pháp năm 2013 cũng quy định: (1) Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển

kinh tế - xã hội của đất nước; (2) Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; (3) Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã xác định “đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm dữ liệu khu vực. Xây dựng các trung tâm dữ liệu gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế; phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia tại khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam.”

- Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 đã xác định xây dựng, phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 đã giao Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia. Nâng cao nhận thức của các tổ chức, doanh nghiệp và người dân về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị dữ liệu”.

Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều quyết định có tính định hướng quan trọng về phát triển dữ liệu, hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin trong chuyển đổi số ở nước ta như: Chiến lược dữ liệu quốc gia quy định tại Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ, Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 quy định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật, quy định những chính sách trong phát triển, ứng dụng dữ liệu vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu rất cấp thiết; tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển đổi số.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

Nhiều nước trên thế giới đã có quy định về dữ liệu, vận hành, khai thác, sử dụng dữ liệu (dữ liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân) như: (1) Luật Dữ liệu mở (Hàn Quốc); (2) Luật Quản trị dữ liệu của Châu Âu áp dụng cho 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu; (3) Đạo luật dữ liệu Châu Âu áp dụng cho 27 nước thành viên Liên minh Châu Âu... Qua đó, tạo cơ chế, chính sách để ứng dụng dữ liệu vào hoạt động quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

Ở nước ta, quán triệt, triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, nhất là những vấn đề liên quan đến xây

dựng, tạo lập, kết nối, chia sẻ dữ liệu đã đạt được một số kết quả tích cực như: Bước đầu khởi tạo và hình thành được 07 cơ sở dữ liệu quốc gia; một số cơ sở dữ liệu quốc gia đã có sự kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân; hạ tầng công nghệ xây dựng các trung tâm dữ liệu bước đầu được quan tâm đầu tư hơn...

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế như: (1) Một số bộ, ngành không có hoặc có nhưng chưa đầy đủ hạ tầng để triển khai các hệ thống công nghệ thông tin cốt lõi phục vụ cho các công tác nghiệp vụ; (2) Nhiều cơ sở dữ liệu được thu thập, lưu trữ trùng lặp, chồng chéo, chưa thống nhất về danh mục dữ liệu dùng chung gây khó khăn khi kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu; (3) Các trung tâm dữ liệu đầu tư thiếu đồng bộ, không đồng nhất về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, không thường xuyên được kiểm tra, bảo trì, nâng cấp dẫn đến nguy cơ không bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống; (4) Một số bộ, ngành, địa phương thuê dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin tiềm ẩn nhiều rủi ro về an ninh an toàn thông tin do chưa thực sự quản lý, kiểm soát được dữ liệu nhà nước trên hạ tầng của doanh nghiệp; (5) Nhân lực vận hành, quản trị các hệ thống thông tin vừa thiếu, vừa yếu; (6) Các cơ sở dữ liệu quốc gia theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ chưa được xây dựng đầy đủ; (7) Nhiều hệ thống thông tin còn lỗ hổng bảo mật, không đủ điều kiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (8) Khó khăn trong việc khai thác, liên thông, cung cấp kịp thời dữ liệu để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công liên thông, phân tích thống kê, đưa ra các chỉ tiêu, chỉ số phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ,...

Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung là xu thế chung của các nước trên thế giới hiện nay. Do vậy, việc định hướng xây dựng, phát triển Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với vai trò là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số ở nước ta là rất cần thiết; giúp tạo lập, hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định của Nhà nước từ đó triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số. Việc đầu tư, nâng cấp, mở rộng, lưu trữ thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia sẽ tiết kiệm rất nhiều so với việc đầu tư các hệ thống riêng biệt để lưu trữ các thông tin này. Các thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia cũng sẽ được chia sẻ phục vụ để việc khai thác chung cho các bộ, ngành, địa phương; cơ quan quản lý dữ liệu không phải thiết lập thêm các kênh kết nối, chia sẻ riêng đối với các thông tin đã được bổ sung, lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Qua rà soát, hiện có 69 Luật có quy định về cơ sở dữ liệu (bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành), hồ sơ đề nghị xây dựng luật có quy định liên quan đến dữ liệu như Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Viễn thông năm 2023, Luật Công nghệ thông tin, Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số... (*chi*

tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo đánh giá tác động trong hồ sơ dự án luật). Qua phân tích, thống kê tại các văn bản luật nêu trên thì các luật này đã quy định về 33 cơ sở dữ liệu quốc gia, 39 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cụ thể:

(1) Về các trường thông tin có trong cơ sở dữ liệu: 16 cơ sở dữ liệu đã quy định rõ các trường thông tin, 30 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể các trường thông tin, 26 cơ sở dữ liệu không quy định các trường thông tin.

(2) Về mô tả, định nghĩa về cơ sở dữ liệu: 34 cơ sở dữ liệu đã được nêu rõ mô tả, định nghĩa cụ thể; 07 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể; 31 cơ sở dữ liệu không được định nghĩa.

(3) Về hình thức khai thác, chia sẻ: 18 cơ sở dữ liệu đã được quy định cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ dữ liệu; 14 cơ sở dữ liệu có quy định nhưng chưa cụ thể về hình thức khai thác, chia sẻ; 40 cơ sở dữ liệu không quy định.

Hiện nay trên cơ sở các quy định pháp luật và khảo sát thực tiễn của Bộ Công an các bộ ngành, địa phương đã triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, trong đó có 07 cơ sở dữ liệu quốc gia, gần 100 cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Trong các luật đã rà soát, chỉ có một số luật có quy định về trách nhiệm của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu trong việc xây dựng, thu thập, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, tất cả các luật đều không quy định cụ thể hoặc thống nhất về việc xử lý, quản trị dữ liệu (như việc thu thập, số hóa, bảo đảm chất lượng, lưu trữ dữ liệu...); chưa quy định về nền tảng phát triển, ứng dụng công nghệ cao trong xử lý dữ liệu; chưa quy định việc tạo lập cơ sở dữ liệu được tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, hoạch định đường lối, chính sách, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công, bảo đảm lợi ích của tổ chức, cá nhân; chưa quy định sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu đang phát triển trên thế giới như sản giao dịch dữ liệu, dịch vụ trung gian dữ liệu, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu... Trong khi đó, việc thiết lập thị trường dữ liệu, xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu hiện nay lại có vai trò rất quan trọng, nó được xem là yếu tố đột phá để từng bước tạo lập và thúc đẩy mở thị trường dữ liệu, lấy thị trường dữ liệu làm động lực phát triển dữ liệu và kích thích, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, các lĩnh vực, tăng năng lực cạnh tranh, bảo đảm cho tiến trình chuyển đổi số ở nước ta.

Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30/10/2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia đã xác định đến Quý IV năm 2025 Trung tâm dữ liệu quốc gia sẽ đi vào hoạt động, là nơi lưu trữ, tổng hợp, phân tích, điều phối dữ liệu, cung cấp hạ tầng cho các bộ, ngành, địa phương. Do vậy, việc xây dựng luật với tên gọi là Luật Dữ liệu là hết sức quan trọng, cần thiết, cấp thiết để bảo đảm bao quát đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ mà Chính phủ đã xác định trong công tác chuyển đổi số; tăng cường sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, vừa khai thác, ứng dụng dữ liệu

trong phát triển kinh tế - xã hội, vừa thắt chặt quản lý dữ liệu cá nhân và dữ liệu phi cá nhân, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

### **1. Mục đích**

Việc xây dựng dự án Luật Dữ liệu nhằm mục đích sau:

*Một là, tạo sự thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.*

Điều chỉnh toàn diện về hoạt động xử lý, quản trị, điều phối dữ liệu; xác định rõ công tác quản lý nhà nước về dữ liệu.

Quy định Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia gồm các dữ liệu tổng hợp từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu khác sẽ là trụ cột dữ liệu chính để tạo nền tảng cho phát triển Chính phủ số, thúc đẩy kinh tế số và hình thành xã hội số; hình thành các hệ thống dữ liệu tin cậy, ổn định phục vụ Nhà nước và doanh nghiệp, người dân; triển khai các giải pháp kết nối để chia sẻ, sử dụng lại và phát triển các mô hình/ứng dụng phân tích dữ liệu chuyên sâu để tạo ra nhiều giá trị mới, sản phẩm dịch vụ mới và động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn chuyển đổi số của Việt Nam.

*Hai là, phục vụ phát triển Chính phủ số và cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính*

Cung cấp hạ tầng phục vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia và tích hợp đồng bộ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia giúp phát triển Chính phủ số, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tăng cường minh bạch, gia tăng sự hài lòng của người dân với hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước.

Hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách của Chính phủ và các bộ, ngành, địa phương trên nền tảng dữ liệu số.

Quy định rõ trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các bộ, ngành, địa phương trong xây dựng, phát triển, ứng dụng dữ liệu, bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

*Ba là, phát triển kinh tế - xã hội*

Thúc đẩy hình thành thị trường dữ liệu, hỗ trợ phát triển sản phẩm dịch vụ dựa trên dữ liệu, các giao dịch thương mại trên môi trường số được thường xuyên, liên tục, an toàn và minh bạch hơn.

Hình thành và từng bước mở rộng kho dữ liệu tổng hợp, kho dữ liệu mở để người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng phục vụ sáng tạo, triển khai các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số.

*Bốn là, phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia*

Trung tâm dữ liệu quốc gia khi đưa vào triển khai hoạt động sẽ là tiền đề để thúc đẩy quá trình phát triển và đẩy mạnh khai thác các cơ sở dữ liệu quốc

gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển kinh tế số của Việt Nam theo kịp các quốc gia trên thế giới, bảo đảm điều kiện cho Việt Nam phát triển và hòa nhập với nền kinh tế số của thế giới.

## **2. Quan điểm xây dựng Luật**

Quan điểm xây dựng dự án Luật Dữ liệu:

*Một là*, quán triệt và cụ thể hóa quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về dữ liệu; phù hợp với tiến trình hội nhập, mở rộng giao lưu và hợp tác quốc tế; phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

*Hai là*, bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số quốc gia, góp phần xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số, xã hội số.

*Ba là*, việc xây dựng dự án Luật được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn trong những năm qua; khắc phục những tồn tại, bất cập, hạn chế; thực hiện thống nhất, đồng bộ, sử dụng hiệu quả thông tin trong các cơ sở dữ liệu, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật.

*Bốn là*, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc khai thác, vận hành Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và phát triển Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

*Năm là*, tham khảo có chọn lọc pháp luật về quản lý dữ liệu của một số nước, phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 24/6/2024 về Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 6/2024, trong đó đã đề ra nhiệm vụ xây dựng dự án Luật Dữ liệu, trình Quốc hội khóa XV cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024) và thông qua tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025), Bộ Công an đã thực hiện xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự án Luật.
2. Ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật.
3. Xây dựng hồ sơ dự án Luật.
4. Đăng hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Công an để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; gửi xin ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức, bộ, ban, ngành, địa phương và Công an các đơn vị, địa phương về dự án Luật.
5. Tiếp thu các ý kiến tham gia, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật, gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

## IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

### 1. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật Dữ liệu gồm 07 chương, 66 Điều, được xây dựng bám sát theo 04 nhóm chính sách đã được Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua gồm:

Một là, về xây dựng, phát triển, quản trị, xử lý dữ liệu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu, quản lý nhà nước về dữ liệu.

Hai là, về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.

Ba là, về trung tâm dữ liệu quốc gia.

Bốn là, về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu.

### 2. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

- *Chương I. Quy định chung, gồm 06 điều (Điều 1 đến Điều 6), quy định về: đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật Dữ liệu; nguyên tắc chung; các hành vi bị nghiêm cấm.*

Dự thảo Luật quy định về xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; Trung tâm dữ liệu quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu. Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động về dữ liệu tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng đã đưa ra các thuật ngữ được đề cập trong dự thảo Luật về dữ liệu, xử lý dữ liệu, quản trị dữ liệu, chiến lược dữ liệu, tài nguyên dữ liệu, thị trường dữ liệu, chủ sở hữu dữ liệu, người dùng dữ liệu, dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi, sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu...

- *Chương II. Xây dựng, phát triển, xử lý, quản trị dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia; hợp tác quốc tế về dữ liệu, gồm 22 điều (từ Điều 7 đến Điều 28), quy định về: thu thập, số hóa và tạo lập dữ liệu; bảo đảm chất lượng dữ liệu; phân loại dữ liệu; lưu trữ dữ liệu; kết hợp, điều chỉnh, cập nhật dữ liệu; chiến lược dữ liệu; quản trị dữ liệu; kết nối, chia sẻ, điều phối dữ liệu; cung cấp dữ liệu cho cơ quan nhà nước; phân tích, tổng hợp dữ liệu; xác nhận, xác thực dữ liệu; công khai dữ liệu; truy cập, truy xuất dữ liệu; mã hóa, giải mã dữ liệu; sao chép, truyền đưa, chuyển giao dữ liệu; chuyển dữ liệu ra nước ngoài; thu hồi, xóa, hủy dữ liệu; ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý, quản lý, quản trị, sử dụng, khai thác dữ liệu; xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; Quỹ phát triển dữ liệu quốc gia; bảo vệ dữ liệu; hợp tác quốc tế về dữ liệu.*

Dự thảo Luật quy định những nội dung cơ bản cần tuân thủ trong quá trình xử lý dữ liệu đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân (bao gồm hơn 20 hoạt động cụ thể); các nguyên tắc trong quản trị, xác định và quản lý rủi ro phát sinh trong xử lý dữ liệu; đồng thời, để đáp ứng yêu cầu trong quản lý, phát triển các ứng

dụng công nghệ cao trong xử lý dữ liệu đang là xu thế phát triển trên thế giới hiện nay, dự thảo Luật đã bổ sung các nguyên tắc, quy định cần tuân thủ đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thực hiện.

*- Chương III. Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, gồm 07 điều (từ Điều 29 đến Điều 35), quy định về: yêu cầu xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; thu thập, cập nhật, đồng bộ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; trách nhiệm cung cấp dữ liệu của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cá nhân, tổ chức khác; mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác; phí khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia.*

Dự thảo Luật đã quy định cụ thể về dữ liệu được thu thập, cập nhật, đồng bộ về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; hoạt động xử lý, quản trị, chia sẻ dữ liệu liên quan đến Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; mối quan hệ giữa Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, công dịch vụ công quốc gia và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác...

Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia được Chính phủ xây dựng và quản lý tập trung, thống nhất tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. Dữ liệu được thu thập, cập nhật, đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia bao gồm dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng từ nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác và dữ liệu được cung cấp bởi tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Dữ liệu.

*- Chương IV. Trung tâm dữ liệu quốc gia, gồm 10 điều (từ Điều 36 đến Điều 45), quy định về: xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia; vị trí, vai trò Trung tâm dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia; bảo vệ dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; mối quan hệ giữa Trung tâm dữ liệu quốc gia với các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; người làm công tác xử lý, quản trị dữ liệu; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu.*

Dự thảo Luật quy định cụ thể xây dựng, vị trí, vai trò, nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu quốc gia; quy định về đăng ký, cấp tài nguyên hạ tầng Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cấp, bảo trì, sửa chữa hạ tầng, thiết bị đặt tại Trung tâm dữ liệu quốc gia và bảo đảm nguồn lực hoạt động xây dựng, phát triển của Trung tâm dữ liệu quốc gia; nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu...

Trung tâm dữ liệu quốc gia là trung tâm dữ liệu do Chính phủ xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đảm bảo thống nhất, ổn định, bền vững. Trung



tâm dữ liệu quốc gia tích hợp, đồng bộ, lưu trữ, chia sẻ, phân tích, khai thác, điều phối dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có nhu cầu sử dụng để khai thác, vận hành, nâng cao hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quản lý, quản trị, xử lý dữ liệu.

- *Chương V. Sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu, gồm 08 điều (từ Điều 46 đến Điều 53), quy định về: sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu; điều kiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ xác thực điện tử đối với thông tin không gắn với chủ thể danh tính điện tử; sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu; sàn giao dịch dữ liệu; trách nhiệm của tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu, sàn giao dịch dữ liệu; xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển thị trường dữ liệu, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu.*

Dự thảo Luật quy định về các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu và quản lý đối với tổ chức cung cấp sản phẩm, dịch vụ liên quan đến dữ liệu, gồm: Dịch vụ xác thực điện tử đối với dữ liệu không gắn với chủ thể danh tính điện tử; sản phẩm, dịch vụ phân tích và tổng hợp dữ liệu; sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu; sàn giao dịch dữ liệu...

- *Chương VI. Quản lý nhà nước về dữ liệu, gồm 10 điều (từ Điều 54 đến Điều 64), quy định về: nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu; trách nhiệm của Bộ Công an; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông; trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ; trách nhiệm của Bộ Quốc phòng; trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ.*

Dự thảo Luật quy định rõ các nội dung quản lý nhà nước về dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan có liên quan; trong đó, (1) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dữ liệu. (2) Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu. (3) Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu trong lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

- *Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 02 Điều (Điều 65 và Điều 66), quy định về: sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành.*

**BỘ CÔNG AN**